TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 419/2023/DS-PT
Ngày 24-10-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2023/TLPT-DS ngày 02/10/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2023/DS-ST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3449/2023/QĐ-PT ngày 13/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1966;

2.2. Ông Lê Văn Y, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Nhật N1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số nhà D, Khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị N, ông Lê Văn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc P và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà P và bà N là bà con xa, bà N gọi bà P là cô, do bà P thứ 10 nên gọi là "Cô M", bà N có tên gọi khác là "Bé Năm". Bà P và bà N có quan hệ làm ăn với nhau rất lâu, bà P thường cho bà N vay tiền để có vốn mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Trước năm 2018, hai bên thỏa thuận bà P cho bà N vay tiền khi nào bà N trả hết tiền sẽ gạch bỏ nội dung của giấy nợ, sau năm 2018 khi bà N trả hết tiền bà P sẽ giao giấy nợ cho bà N giữ, số tiền chưa trả sẽ viết lại giấy nợ thể hiện số tiền còn nợ. Mỗi lần vay tiền đều viết giấy nợ riêng, có ngày bà N vay tiền của bà P rất nhiều lần. Lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng.

Ngày 29/3/2021, bà P có cho bà N vay số tiền 150.000.000 đồng, bà N điện thoại hỏi vay ngày 28/3/2021 để mua thức ăn kinh doanh kiếm lời, bà N trực tiếp nhận tiền tại nhà của bà P. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 1%/tháng, khi nào bà P thu hồi nợ báo trước 10 ngày, bà N có viết biên nhận cho bà P với nội dung *"Chiều 29/3/2021 bé N có mượn cô mười một trăm năm chục triệu"* và bà N ký tên ở phía dưới ghi *"bé năm"*. Bà N nói với bà P việc làm ăn trong gia đình do bà N quyết định nên bà P và bà N trực tiếp thỏa thuận việc vay và giao nhận tiền, ông Lê Văn Y (chồng bà N) không chứng kiến nhưng khi bà P đến đòi tiền lãi thì ông Y có biết. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận khi nào bà N bán thức ăn xong sẽ thanh toán, tuy nhiên, bà N không đóng lãi cũng như không trả tiền vốn. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà N và ông Y phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà P số tiền vốn 150.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 29/3/2021 đến ngày Tòa xét xử với mức lãi suất 1%/tháng.

Vào khoảng tháng 6/2021 (âm lịch), bà P có cho vợ chồng bà N và ông Y vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1%/tháng, có viết giấy nợ có chữ ký của các bên. Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Bà N và ông Y trực tiếp vay và nhận tiền một lần. Hai bên thỏa thuận khi nào ông Y và bà N đáo hạn Ngân hàng sẽ thanh toán tiền cho bà P, bà P không hỏi bao lâu vì bà được biết những người bán thức ăn chăn nuôi thường đáo hạn nhanh. Tuy nhiên, bà N và ông Y chỉ đóng lãi được 01 tháng số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Vì vậy, ngày 31/3/2022

(nhằm ngày 29/02/2022 âm lịch) hai bên thống nhất viết giấy nợ có tiêu đề *"Giấy cho vay tiền"* ghi nội dung bà N và ông Y vay của bà P 1.000.000.000 đồng nhưng thỏa thuận lại nội dung về số tiền trả hàng tháng là 50.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, trả vốn trước còn tiền lãi trả sau. Tuy nhiên, giấy nợ viết vào ngày 31/3/2022 sai số căn cước của bà P nên sau ngày 31/3/2022 hai bên thống nhất xé bỏ giấy nợ nêu trên và viết lại giấy nợ khác nhưng vẫn ghi ngày 31/3/2022 thể hiện những nội dung thỏa thuận như ban đầu và bà P đã cung cấp cho Tòa án bản chính của giấy này. Đối với giấy nợ viết đúng vào ngày 31/3/2022 (bản photo do bị đơn cung cấp) đã xé bỏ nên bà P không cung cấp cho Tòa án được. Bà N và ông Y đã trả cho bà P 520.000.000 đồng tiền vốn, lần cuối cùng trả 20.000.000 đồng vào ngày 30/01/2023 do đến thời điểm này bà N và ông Y không còn khả năng trả và xin chồng bà P cho trả trước vài ngày sau sẽ đưa đủ 50.000.000 đồng, không có việc thỏa thuận lại cho bà N và ông Y trả mỗi tháng 20.000.000 đồng như bà N trình bày. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận bà N, ông Y trả lãi hàng tháng cho bà P nhưng do bà Phương b không đi được nên ông Nguyễn Văn H (chồng bà P) đi thu tiền lãi, việc trả lãi không có ghi biên nhận. Ông H chỉ thu tiền lãi cho bà P, số tiền vay này là tài sản riêng của bà P, không có liên quan đến ông H. Do đó, bà P yêu cầu bà N và ông Y liên đới hoàn trả số tiền vốn 480.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 29/02/2022 (âm lịch) đến ngày Tòa xét xử với lãi suất 1%/tháng trên số tiền vốn giảm dần.

Tổng số tiền bà P khởi kiện yêu cầu bà N và ông Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tạm tính đến ngày 04/7/2023 là 778.000.000 đồng, trong đó tiền vốn vay là 630.000.000 đồng và tiền lãi là 148.000.000 đồng.

Bà P hoàn toàn không biết bài đăng trên facebook do bị đơn cung cấp. Các giấy photo do bị đơn cung cấp bà P không biết do ai viết, bà P chỉ biết nội dung ghi *"Bé mượn mười phương 1050.000.000 đ Ngày 27/6/2021"* là do bà P viết. Tuy nhiên, số tiền này là giao dịch khác và bà N đã thanh toán xong nên bà P không khởi kiện, hiện bà không có giữ các bản chính của bản photo do bị đơn cung cấp. Nếu bị đơn cho rằng giấy có tiêu đề *"Giấy cho vay tiền"* do nguyên đơn cung cấp có những nội dung bỏ trống khi bị đơn ký tên thì yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Võ Thị N, ông Lê Văn Y và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà N và bà P có quan hệ làm ăn tiền bạc với nhau khoảng 10 năm, mỗi lần vay đều viết giấy nợ, giao tiền khi ghi biên nhận nợ. Nếu trả xong tiền vay thì gạch bỏ giấy nợ, chưa trả xong sẽ được kết lại ở giấy sau.

Bà N thừa nhận ngày 29/3/2021 bà có vay của bà P 150.000.000 đồng, bà N tự viết và ghi tên trong giấy nợ là giấy do bà P cung cấp, thỏa thuận tính lãi 2.250.000 đồng/01 ngày, từ ngày 29/3/2022 đến ngày 27/6/2022 bà N có trả lãi được 19.800.000 đồng. Ngoài ra, bà N còn vay của bà P hai lần, một lần 800.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng, đều thỏa thuận tính lãi hàng tháng, hai lần vay tiền này không có viết giấy nợ. Vì vậy, tổng số tiền bà N vay của bà P là 1.050.000.000 đồng và bà P có viết vào giấy do bị đơn cung cấp với nội dung *"Bé mượn mười phương 1050.000.000 đ Ngày 27/6/2021"*. Sau đó bà N trả được 50.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Ngày 31/3/2022, hai bên thống nhất viết giấy nợ tổng cộng hết các khoản tiền bà N đã vay của bà P, bao gồm cả số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 29/3/2021 nêu trên. Giấy có tiêu đề *"Giấy cam kết vay tiền"* do bà P viết, bà P và bà N, ông Y có ký tên xác định số tiền bà N và ông Y vay của bà P là 1.000.000.000 đồng, số tiền vay đã nhận từ trước nên vào ngày viết giấy nợ không có nhận tiền, thỏa thuận mỗi tháng trả vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi là 0%. Tuy nhiên, do giấy này sai về số căn cước của bà P nên các bên thống nhất viết lại giấy có tiêu đề *"Giấy cho vay tiền"* cũng thể hiện nội dung số tiền vay 1.000.000.000 đồng, còn những nội dung ghi lãi suất 1%/tháng, lãi suất để tính sau và *"số tiền gốc và lãi"* ghi ở dòng cuối được bà P thêm sau, khi ký tên không có những nội dung này. Những nội dung được ghi thêm thì tại giấy ban đầu có tiêu đề *"Giấy cam kết vay tiền"* các bên không thỏa thuận và cả hai giấy bà P đều cho bên vay ông Y, bà N ghi nội dung *"Trả vốn hàng tháng không lãi suất"*. Bà N và ông Y có trả cho bà P được 520.000.000 đồng tiền vốn cho chồng bà P, lần cuối cùng trả 20.000.000 đồng vào ngày 30/01/2023. Do không có khả năng trả mỗi tháng 50.000.000 đồng nên bà N xin chồng bà P cho trả mỗi tháng 20.000.000 đồng và chồng bà P đồng ý. Sau đó, chồng bà P không đến nhà thu tiền nữa và bà P nộp đơn khởi kiện bà N, ông Y. Do trước đây thỏa thuận bà P đến thu tiền nên bà N và ông Y không trực tiếp đến nhà bà P trả tiền. Nay ông Y và bà N đồng ý hoàn trả cho bà Võ Thị Trúc P số tiền vốn 480.000.000 đồng, không đồng ý hoàn trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi.

Bài đăng trên facebook mang tên Trúc Phương V có nội dung xác định bà N còn nợ bà P 1.000.000.000 đồng nên xác định ý kiến trình bày của bị đơn là phù hợp. Các bản photo do bị đơn cung cấp hiện bị đơn đều không giữ bản chính, bản chính do nguyên đơn giữ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông không liên quan đến số tiền bà P khởi kiện, đây là tiền riêng của bà P, mặc dù có một vài lần bà P có nhờ ông đến nhà ông Y, bà N nhận tiền thay nhưng ông không biết số tiền cụ thể mỗi lần nhận là bao nhiêu, tất cả đều do bà P và vợ chồng ông Y điện thoại giao dịch với nhau. Ông không chứng kiến nên không có ý kiến gì khác. Bà P được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện nêu trên, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2023/DS-ST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Trúc P.

Buộc bà Võ Thị N và ông Lê Văn Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị Trúc P tổng số tiền vốn vay và lãi là 695.733.600 đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 630.000.000 đồng và số tiền lãi là 65.733.600 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Trúc P đối với số tiền lãi 82.266.400 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/7/2023, bị đơn bà Võ Thị N, ông Lê Văn Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định vì số tiền 150.000.000 đồng này đã được bao gồm trong số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn H tham gia phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án vì đơn xin xét xử vắng mặt không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận chữ ký trong đơn là của ông H và giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 29/3/2021 và tiền lãi của số tiền này. Bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 31/01/2023 đến khi xét xử sơ thẩm là 24.833.600 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 26/6/2023 ông Nguyễn Văn H trực tiếp nộp tại Tòa án đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt, việc yêu cầu giải quyết vắng mặt là quyền của đương sự nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu triệu tập ông H là không có căn cứ đồng thời việc vắng mặt của ông H cũng không làm thay đổi bản chất vụ án.

Về nội dung: giấy nhận nợ ngày 31/3/2022 không có nội dung thể hiện số tiền 1.000.000.000 đồng là số tiền đã cộng gộp các khoản vay của bà N, ông Y và bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ do đó không có căn cứ để xác định số tiền 1.000.000.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng vay ngày 29/3/2021. Đối với kháng cáo của bị đơn về tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng, các bên thừa nhận khoản vay này có lãi nhưng có tranh chấp về mức lãi suất nên không xác định được lãi suất, các bên cũng không thỏa thuận thời hạn trả nên xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn, căn cứ theo theo khoản 1 Điều 468, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tính lãi chậm trả từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.568.445 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về tiền lãi, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các bị đơn có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 630.000.000 đồng và tiền lãi 62.402.045 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lê Văn Y, bà Võ Thị N; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam vào ngày 26/6/2023, việc yêu cầu được vắng mặt là quyền của đương sự. Đồng thời, việc ông H vắng mặt không làm thay đổi bản chất vụ án do đó bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập ông H tham gia phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Nguyên đơn căn cứ các giấy viết tay ghi ngày 29/3/2021 và 31/3/2022 cho rằng bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng, bị đơn đã trả 520.000.000 đồng, còn nợ 630.000.000 đồng nên yêu cầu bị đơn phải trả số tiền này và tiền lãi theo thỏa thuận với mức lãi 1%/tháng từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét

xử sơ thẩm. Bị đơn cho rằng số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 29/3/2021 đã được tính gộp vào số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 31/3/2022 nên bị đơn không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn lại là 480.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

[3] Bị đơn chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền này, do đó cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

[4] Bị đơn bà N, ông Y thừa nhận ngày 29/3/2021 có vay của bà P số tiền 150.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này, giấy nợ do bà P cung cấp là do bà N tự viết và ghi tên nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên có căn cứ xác định bà N, ông Y có vay của bà P số tiền 150.000.000 đồng.

Bà N và ông Y cho rằng số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 31/3/2022 đã bao gồm số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 29/3/2021. Cụ thể, bà N và ông Y xác định số tiền vay 1.000.000.000 đồng viết ngày 31/3/2022 được bà N, ông Y vay trong 03 lần, số tiền cụ thể từng lần là 150.000.000 đồng, 800.000.000 đồng, 100.000.000 đồng. Bà N, ông Y cho rằng đã trả được 50.000.000 đồng nên ngày 31/3/2022 mới viết giấy nợ là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P không thừa nhận có việc tính gộp tiền gốc như bị đơn trình bày. Bà N và ông Y không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bà đã trả được 50.000.000 đồng cũng như không cung cấp được giấy biên nhận tiền đối với số tiền 800.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại. Mặt khác, tại giấy có tựa đề *"Giấy cho vay tiền"* ngày 31/3/2022 không thể hiện nội dung đã cộng số tiền 150.000.000 đồng trong số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà chỉ có nội dung bà P cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ xác định giấy tay có tựa đề *"Giấy cho vay tiền"* ngày 31/3/2022 bao gồm khoản nợ vay 150.000.000 đồng đã vay ngày 29/3/2021 như bị đơn trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền này là có căn cứ.

[5] Về số tiền lãi đối với số tiền vay 150.000.000 đồng: các bên đương sự đều xác định hợp đồng vay có lãi, tuy mức lãi suất các bên đưa ra không thống nhất, nguyên đơn cho rằng 1%/tháng, bị đơn cho rằng 4,5%/tháng và cả hai bên đều không có chứng cứ chứng minh mức lãi suất mà mình đưa ra. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu 1%/tháng là có căn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị đơn không chứng minh được việc có trả tiền lãi cho

nguyên đơn nên phải chịu tiền lãi từ ngày vay 29/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2023 với tổng số tiền lãi 40.900.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N, ông Y phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Y, bà Võ Thị N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 62/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Trúc P.

Buộc bà Võ Thị N và ông Lê Văn Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị Trúc P tổng số tiền vốn vay và tiền lãi là 695.733.600 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó, tiền vốn vay là 630.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 65.733.600 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Trúc P đối với số tiền lãi 82.266.400 đồng (T1 mươi hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy

định khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị N và ông Lê Văn Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 31.829.000 đồng (Ba mươi mốt triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Buộc bà Võ Thị Trúc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.113.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười ba nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.086.000 đồng (Mười bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004727 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Hoàn trả cho bà P số tiền 12.973.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn Y, bà Võ Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0006830 và 0006831 cùng ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn